

**Van tiết lưu loại chính xác**  
**GRPO-70-1/8-AL**  
Số bộ phận: 542024

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                                               | Giá trị                                         |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Chức năng van                                                                          | Chức năng điều tiết                             |
| Cổng nối khí nén 1                                                                     | G1/8                                            |
| Cổng nối khí nén 2                                                                     | G1/8                                            |
| Kiểu vận hành                                                                          | thủ công                                        |
| Phần tử điều chỉnh                                                                     | Núm xoay có thang đo                            |
| Kiểu gắn                                                                               | trên tấm kết nối                                |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường theo hướng bướm ga                                    | 40.7 l/ph                                       |
| Áp suất vận hành                                                                       | 0 bar...8 bar                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                                         | -10 °C...50 °C                                  |
| Vật liệu vỏ                                                                            | PA gia cố                                       |
| Vị trí lắp đặt                                                                         | bất kì                                          |
| Áp suất vận hành của 2 theo 1                                                          | 0 bar...0.5 bar                                 |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường theo hướng bướm ga 0,1->0 MPa (1->0 bar, 14,5->0 psi) | 19 l/ph                                         |
| Lưu lượng bình thường theo hướng bướm ga 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi)              | 60 l/ph                                         |
| Môi chất vận hành                                                                      | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [5:4:3]<br>Khí trơ |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                                  | Không thể hoạt động bằng dầu                    |
| Tuân thủ LABS                                                                          | VDMA24364 Vùng III                              |
| Nhiệt độ trung bình                                                                    | -10 °C...50 °C                                  |
| trọng lượng sản phẩm                                                                   | 110 g                                           |
| Ghi chú vật liệu                                                                       | Tuân thủ RoHS                                   |
| Vật liệu tấm kết nối                                                                   | Hợp kim nhôm rèn                                |
| Vật liệu của phốt                                                                      | NBR<br>PVC                                      |
| Vật liệu vít                                                                           | Thép                                            |